

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 158/ĐA-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2025

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2025

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)

2. Mã trường: NHS

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

- TRỤ SỞ CHÍNH: 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- CƠ SỞ HÀM NGHI: 39 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- CƠ SỞ HOÀNG DIỆU: 56 Hoàng Diệu 2, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://hub.edu.vn>;
<http://tuyensinh.hub.edu.vn/>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường (có thông tin tuyển sinh):

Fanpage facebook:

- <https://www.facebook.com/DHNNH.HUB> (có tick xanh)
- <https://www.facebook.com/tuyensinhdaihocnganh>

Group facebook: <https://www.facebook.com/groups/2363024063834410>

Zalo: Trường Đại học Ngân hàng TPHCM (có tick xanh).

Youtube: Hub channel.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

6.1. Chương trình đại học chính quy (Bao gồm ĐHCQ (đại học chính quy) chuẩn, ĐHCQ (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt, ĐHCQ Quốc tế song bằng).

Phòng Tuyển sinh và truyền thông

Địa chỉ:

- Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà Hiệu bộ, 56 Hoàng Diệu 2 – Phường Linh Chiểu – TP. Thủ Đức – TP. Hồ Chí Minh

Minh

Điện thoại: 028.38.211.704 - 028.38.212.430 - 028.38.971.638 - 028.38.971.652

Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: 0888 35 34 88

Hotline chương trình ĐHCQ (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt:
0909 69 12 69

Hotline chương trình ĐHCQ Quốc tế song bằng: 0865 118 128

Website:

<http://tuyensinh.hub.edu.vn/>

<http://clc.hub.edu.vn> (Chương trình tiếng Anh bán phần và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh)

<http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan> (Chương trình quốc tế song bằng)

Email: tuvantuyensinh@hub.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhdaihocnganhang/>

Youtube: HUB Channel

6.2. Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng và Cử nhân Pathway

Viện Đào tạo Quốc tế

Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 38214660 (Ext 102,107)

Hotline: 0865 118 128

Website: <http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan>

Email: saigonisb.ba@hub.edu.vn

Facebook: @saigonisb.hub

6.3. Liên hệ tư vấn và đăng ký thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT do Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, thi chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (VSTEP)

- Trung tâm Đào tạo và đánh giá năng lực Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin

Cơ sở 1: 39 Hàm Nghi, Quận 1; ĐT: 028 38 214 055; Hotline: 090 990 1277

Cơ sở 2: 56 Hoàng Diệu 2, Tp. Thủ Đức; ĐT: 028 38 971 649

Email: info@flic.edu.vn; Website: www.flic.edu.vn;

Facebook: <https://www.facebook.com/flic.edu/>

+ Truy cập để biết thêm thông tin về kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT tại <https://hubsa.hub.edu.vn/> hoặc <https://hubsa.flic.edu.vn/>

+ Truy cập để biết thêm thông tin về kỳ thi chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (VSTEP) www.flic.edu.vn

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của trường: <https://phongktdbcl.buh.edu.vn/dam-bao-chat-luong/ket-qua-khao-sat/bao-cao-ket-qua-khao-sat-tinh-trang-viec-lam-11232.html>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.\

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh 2024	Số SV trúng tuyển nhập học 2024	Số SV tốt nghiệp 2024	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1. Kinh doanh và quản lý		Đại học				
Quản trị kinh doanh	7340101		592	577	475	99.36%
Tài chính - Ngân hàng	7340201		1549	1506	982	99.23%
Kế toán	7340301		355	358	388	98.74%
Hệ thống thông tin quản lý	7340405		300	296	200	98.45%
Kinh doanh quốc tế	7340120		45	45		
Công nghệ tài chính	7340205		45	44		
Marketing	7340115		45	44		
2. Pháp luật						
Luật kinh tế	7380107	Đại học	240	227	172	99.11%
3. Nhân văn						
Ngôn ngữ Anh	7220201	Đại học	300	286	235	99.14%
4. Khoa học xã hội và hành vi						
Kinh tế quốc tế	7310106	Đại học	300	293	350	99.41%
5.Toán và thống kê						

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh 2024	Số SV trúng tuyển nhập học 2024	Số SV tốt nghiệp 2024	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học dữ liệu	7460108	Đại học	45	45		
6. Công nghệ kỹ thuật						
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Đại học	45	42		
Tổng			4156	4089	2802	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hub.edu.vn/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

TT	Phương thức tuyển sinh năm 2023	Phương thức tuyển sinh năm 2024
1	Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2	Phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.	Phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
3	Phương thức xét tuyển tổng hợp	Phương thức xét tuyển tổng hợp
4	Phương thức xét kết quả thi VSAT năm 2023	Phương thức xét kết quả thi VSAT năm 2024
5	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I	Phương thức xét tuyển: Dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT						
1	Lĩnh vực 1: Kinh doanh và quản lý						
	Đại học chính quy (tiếng Anh bán phần)						
	Tài chính - Ngân hàng (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	474	437	24.10	231	302	24.10
	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				76	225	20.45
	Kế toán (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				52	116	23.65
	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				16	34	24.55
	Đại học chính quy chuẩn						
	Tài chính – Ngân hàng (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	480	475	24.90	306	312	25.47
	Kế toán (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	150	153	24.87	117	155	25.29
	Quản trị kinh doanh (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	226	219	25.05	147	209	24.80
	Hệ thống thông tin quản lý (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	300	297	24.60	191	187	25.24
	Kinh doanh quốc tế (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				27	19	26.36
	Marketing (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				27	22	26.10
	Công nghệ tài chính (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				27	25	25.43
	Chương trình đại học chính quy quốc tế cấp song bằng (Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	12	16	24.50	8	6	24.50
2	Lĩnh vực 2: Pháp luật						
	Luật kinh tế (Tổ hợp: A00, A01, D01, D14)	216	205	25.07	163	216	24.35
3	Lĩnh vực 3: Nhân văn						

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Ngôn ngữ Anh (Tổ hợp: A01, D01, D14, D15)	270	280	24.38	195	208	25.05
	Ngôn ngữ Anh (chương trình đào tạo đặc biệt) (Tổ hợp: A01, D01, D14, D15)				16	41	24.05
4	Lĩnh vực 4: Khoa học xã hội và hành vi						
	Kinh tế quốc tế (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	270	266	25.24	189	142	25.50
	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				16	44	25
5	Lĩnh vực 5: Toán và thống kê						
	Khoa học dữ liệu (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				27	39	24.75
6	Lĩnh vực 6: Công nghệ kỹ thuật						
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				27	25	25.80
	Tổng						
II	Phương thức Tổng hợp (xét thành tích học tập THPT) theo quy chế tuyển sinh của Trường						
1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý						
	Tài chính - Ngân hàng (tiếng Anh bán phần)	1106	1108	106	751	785	96.50
	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần)				247	138	90
	Kế toán (tiếng Anh bán phần)				170	134	90
	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)				53	39	97.25
	Chương trình cử nhân quốc tế song bằng	48	38	106	32	35	90

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)				53	16	133.57
	Ngôn ngữ Anh (chương trình đào tạo đặc biệt)				53	34	108
III	Phương thức xét kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT						
1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý						
	Đại học chính quy (tiếng Anh bán phần)						
	Tài chính - Ngân hàng (tiếng Anh bán phần)(Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				173	43	237
	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				57	0	300
	Kế toán (tiếng Anh bán phần) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)				39	6	248.25
	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)				12	4	267.75
	Đại học chính quy chuẩn						
	Tài chính – Ngân hàng	48	38	17.45	204	199	229.50
	Kế toán	15	11	17.20	78	44	244.50
	Quản trị kinh doanh	23	22	16.9	98	29	253.50
	Hệ thống thông tin quản lý	30	25	15.2	21	29	242.25
	Kinh doanh quốc tế				18	26	315.25
	Marketing				18	22	305.25
	Công nghệ tài chính				18	19	229.50
2	Lĩnh vực 2: Pháp luật						
	Luật kinh tế	24	18	15	87	30	240
3	Lĩnh vực 3: Nhân văn						
	Ngôn ngữ Anh	30	9	15	35	20	229

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Ngôn ngữ Anh (chương trình đào tạo đặc biệt)				12	3	261.75
4	Lĩnh vực 4: Khoa học xã hội và hành vi						
	Kinh tế quốc tế	30	27	16.4	21	63	243.75
	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)				12	21	234
5	Lĩnh vực 5: Toán và thống kê						
	Khoa học dữ liệu				18	6	241.50
6	Lĩnh vực 6: Công nghệ kỹ thuật						
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng				18	17	273
	Tổng						
IV	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn						
	Ngành Quản trị Kinh doanh	320	299	Xét tuyển	210	238	Xét tuyển

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường: <https://hub.edu.vn/dao-tao#chinh-quy-chuan>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tài chính - Ngân hàng	9340201	793/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	23/02/2004	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2005	2024
2	Quản trị kinh doanh	9340101	1562/QĐ-BGDĐT	18/05/2021				2021	2024

3	Luật kinh tế	8380107	4683/QĐ-BGDĐT	05/12/2019				2020	2024
4	Tài chính - Ngân hàng	8340201	793/QĐ-BDG&ĐT-ĐH&SDH	23/02/2004	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2005	2024
5	Quản trị kinh doanh	8340101	1754/QĐ-BGDĐT	22/05/2014	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2015	2024
6	Luật kinh tế	7380107	407/QĐ-BGDĐT	11/02/2014	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2014	2024
7	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	21/01/2005	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2005	2024
8	Kế toán	7340301	1584/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	31/03/2006	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2006	2024
9	Tài chính - Ngân hàng	7340201	7933/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	29/12/2003	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2004	2024
10	Quản trị kinh doanh	7340101	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	21/01/2005	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2005	2024
11	Kinh tế quốc tế	7310106	407/QĐ-BGDĐT	11/02/2014	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2014	2024
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	21/01/2005	940/QĐ-BGDĐT	14/03/2018		2005	2024
13	Kinh doanh quốc tế	7340120	365/QĐ-ĐHNH	05/02/2024			X		2024
14	Marketing	7340115	368/QĐ-ĐHNH	05/02/2024			X		2024
15	Công nghệ tài chính	7340205	366/QĐ-ĐHNH	05/02/2024			X		2024
16	Khoa học dữ liệu	7460108	367/QĐ-ĐHNH	05/02/2024			X		2024
17	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	369/QĐ-ĐHNH	05/02/2024			X		2024
18	Kiểm toán	7340302	1966/QĐ-ĐHNH	25/06/2024			X		2025
19	Thương mại điện tử	7340122	4485/QĐ-ĐHNH	30/12/2024			X		2025
20	Luật	7380101	1964/QĐ-ĐHNH	25/06/2024			X		2025
21	Trí tuệ nhân tạo	7480107	1965/QĐ-ĐHNH	25/06/2024			X		2025

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường: <https://phongktdbcl.buh.edu.vn/dam-bao-chat-luong/ba-cong-khai.html>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường:

<http://tuyensinh.hub.edu.vn/he-dao-tao/de-an-tuyen-sinh-125.html>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường: <https://hub.edu.vn/thong-bao/quyet-dinh-v-v-ban-hanh-quy-che-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-103823.html>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://flic.edu.vn/hubsa/de-an>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://flic.edu.vn/hubsa/de-an>

15. Về việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh, hiệu đính Đề án tuyển sinh đại học

Đề án tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường được công bố sớm, vì vậy các thông tin mới của Bộ GD&ĐT và của Trường sẽ được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh, hiệu đính và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển ít nhất 15 ngày theo quy định.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy năm 2025

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh phải thỏa mãn điều kiện dự tuyển được quy định tại Điều 5 Thông tư 08/TT-BGDĐT Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành, cụ thể:

a. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b. Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục a nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường tại Đề án này;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Hiệu trưởng thực hiện các biện pháp cần thiết (thông qua kiểm tra hồ sơ y tế) và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước và nước ngoài.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

Năm 2025, Trường thực hiện 5 phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh	Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 1)	Phương thức xét tuyển tổng hợp. (Phương thức 2)	Phương thức xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT năm 2025. (Phương thức 3)	Phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. (Phương thức 4)	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn. (Phương thức 5)
Chương trình áp dụng	Đại học chính quy (ĐHCQ) chuẩn, Đại học chính quy (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học chính quy quốc tế song bằng	Đại học chính quy (ĐHCQ) (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh và ĐHCQ Quốc tế cấp song bằng.	ĐH chính quy chuẩn, Đại học chính quy (ĐHCQ) (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh.	Đại học chính quy chuẩn, Đại học chính quy (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học chính quy quốc tế cấp song bằng.	Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng.

(*) Chỉ tiêu xét tuyển tính trên chỉ tiêu ngành/ chương trình

Lưu ý:

- Chương trình Đại học chính quy chuẩn, chương trình đào tạo (tiếng Anh bán phần) và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh và quốc tế cấp song bằng không áp dụng phương thức 5.
- Nếu xét tuyển theo từng phương thức trước đó không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức tiếp theo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

a. Đại học chính quy (Phương thức 1,2,3,4)

Mã trường: NHS

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Đại học		Tất cả các ngành theo quy định tại Mục 1.8. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (của Đề án này)	301	Phương thức 1: tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển								
A	Chương trình đại học chính quy (tiếng Anh bán phần) và Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế)												
1	Đại học	7340201_TABP	Tài chính-Ngân hàng (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	
				401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
2	Đại học	7340301_TABP	Kế toán (tiếng Anh bán phần)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
			(Chương trình định hướng Digital Accounting)	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
3	Đại học	7340101_TABP	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng E. Business)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	
				401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
4	Đại học	7340405_TABP	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	
				401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT V-SAT (tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)	A01		A03		A07		D09	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT (tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)	A00		A01		D14		D01	
B	Chương trình đại học chính quy quốc tế cấp song bằng												
1	Đại học	7340101_QTSB	Quản trị kinh doanh (Thí sinh trúng tuyển được chọn chương trình: Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản lý chuỗi cung ứng, Tài chính do ĐH Bolton (Anh Quốc) và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT								
2	Đại học	7340201_QTSB	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm do ĐH Toulon Pháp và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00		A01		D01		D07	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT								
C	Chương trình đại học chính quy chuẩn												

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
2	Đại học	7340301	Kế toán - Chương trình Kế toán Kiểm toán	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
3	Đại học	7340302	Kiểm toán (mới)	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
4	Đại học	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
5	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A01		D07		D09		D10	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
6	Đại học	7340115	Marketing	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		D09		D10	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
7	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
8	Đại học	7310106	Kinh tế quốc tế	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A01		D07		D09		D10	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
9	Đại học	7380107	Luật kinh tế	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A01		A03		A07		D09	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D14		D01	
10	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH	A01	N1	D07	N1	D09	N1	D10	N1

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					trên máy tính V-SAT V-SAT (tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)								
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT (tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)	A01	N1	D01	N1	D14	N1	D15	N1
11	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
12	Đại học	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
13	Đại học	7340122	Thương mại điện tử (mới)	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại	A00		A01		D09		D10	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					học trên máy tính V-SAT								
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
14	Đại học	7380101	Luật (mới)	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A01		A03		A07		D09	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D14		D01	
15	Đại học	7480107	Trí tuệ nhân tạo (mới)	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT	A00		A01		A04		A05	
				100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00		A01		D01		D07	
TỔNG													

b. Đại học chính quy Quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng (Phương thức 5)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đại học	7340101_CNQT	ĐHCQ quốc tế ngành Quản trị kinh doanh	500	Phương thức 5: xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.	HB+PV							
2	Đại học	7340201_CNQT	ĐHCQ quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm)	500	Phương thức 5: xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.	HB+PV							

Ghi chú: (*) Tiếng Anh nhân hệ số 2 và quy về thang điểm 30;

- Phương thức 1: (301) - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Mục 1.8);
- Phương thức 2: (410) – Tổng hợp (kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển);
- Phương thức 3: (401) – Xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT;
- Phương thức 4: (100) - Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- Phương thức 5: Xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.

* Nếu xét tuyển theo từng phương thức trước đó không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức tiếp theo.

² Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

5. Ngưỡng đầu vào

1.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

a. Đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 1): Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 và mục 1.8. *Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại Đề án này.*

b. Đối với phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Phương thức 2): là phương thức xét tuyển kết quả học tập và thành tích bậc THPT của các thí sinh tốt nghiệp vào các năm 2025, 2024 và thỏa các điều kiện sau:

- Thí sinh có điểm trung bình học tập học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;

- Điểm quy đổi theo tổ hợp môn đăng ký HK2 - lớp 11, HK1 - lớp 12, HK2 - lớp 12 đạt từ 72 trở lên (không bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm quy đổi theo tiêu chí khác).

Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi theo tổ hợp môn + Điểm quy đổi theo tiêu chí khác (nếu có) + tổng điểm ưu tiên quy đổi (nếu có).

Điểm quy đổi theo tổ hợp môn = Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK2 lớp 11) + Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK1 lớp 12) + Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK2 lớp 12).

Điểm quy đổi theo tiêu chí khác = Điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế + Điểm quy đổi kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) + Điểm quy đổi Trường chuyên/Năng khiếu + Điểm quy đổi xếp loại HSG.

- Thí sinh có các chứng chỉ tiếng anh quốc tế được chấp nhận ở Bảng 2 được quy đổi sang điểm ở Bảng 1 để cộng vào điểm xét tuyển.
- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố, cấp quốc gia tất cả các môn học THPT được quy đổi điểm ở Bảng 1 cộng vào điểm xét tuyển.
- Thí sinh học các Trường chuyên/ năng khiếu theo danh mục của Trường được quy đổi điểm ở Bảng 1 cộng vào điểm xét tuyển.
- Thí sinh xếp loại học lực Giỏi của 3 học kỳ: Học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1, học kỳ 2 năm lớp 12 được quy đổi điểm cộng vào điểm xét tuyển theo Bảng 1.

Ví dụ: Thí sinh chọn tổ hợp D01 (Toán - Văn - Anh).

Điểm quy đổi theo tổ hợp môn = Điểm quy đổi (Điểm trung bình 3 môn Toán, Văn, Anh ở Học kỳ 2 lớp 11) + Điểm quy đổi (Điểm trung bình 3 môn Toán, Văn, Anh ở Học kỳ 1 lớp 12) + Điểm quy đổi (Điểm trung bình 3 môn Toán, Văn, Anh ở Học kỳ 2 lớp 12).

*Lưu ý:

- *Tổ hợp môn xét tuyển xem tại **bảng 1.6.1.***
- *Không có môn học nhân hệ số trong tổ hợp môn đối với phương thức này.*

- Thí sinh quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế phải còn thời hạn trong vòng 02 năm tính đến ngày xét tuyển.
- Điểm trung bình tổ hợp môn được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Bảng 1. Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của Phương thức xét tuyển tổng hợp.

	Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký HK2-Lớp 11, HK1-lớp 12 và HK2-lớp 12				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG cấp Quốc gia/Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu			Học sinh xếp loại giỏi		
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQ Đ	ĐQĐ	ĐQĐ	IELTS (Academic)					Ba	Nhì	Nhất	Lớp			Học kỳ		
		HK2 Lớp 11	HK1 Lớp 12	HK2-Lớp 12	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5+				10	11	12	HK2 lớp 11	HK1 lớp 12	HK2 lớp 12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	6.50 - 6.99	24	24	24	18	20	22	24	26	1	2	3	2	2	3	8	8	8
	7.00 - 7.49	25	25	25														
	7.50 - 7.99	26	26	26														
	8.00 - 8.49	27	27	27														
	8.50 - 8.99	28	28	28														
	9.00 - 9.49	29	29	29														
	9.50 - 10.00	30	30	30														

Bảng 2. Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng anh quốc tế theo IELTS được chấp nhận. Trường chỉ nhận các loại chứng chỉ được liệt kê trong Bảng sau:

IELTS	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)		TOEFLT iBT	TOEFL ITP	APTIS ESOL	Điểm tiếng Anh Quốc tế được quy đổi điểm
	Bậc	Điểm theo thang 10				
9.0	6		115-120		C2	26
8.5			110-114			26
8.0			105-109			664-677
7.5	5	9.5-10	100-104	644-663	C1	26
7.0		8.5-9.0	94-99	627-643		26
6.5	4	8	77-93	586-626	B2	26
6.0		7.0-7.5	61-76	543-585		24
5.5		6.0 – 6.5	46-60	500-542		22
5.0	3	5.0 - 5.5	38-45	471-499	B1	20
4.5		4.0 – 4.5	30-37	450-470		18

Ghi chú: Chứng chỉ VSTEP do Trung tâm Đào tạo và đánh giá năng lực Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM cấp;

c. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT (Phương thức 3): Thí sinh tham gia kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT năm 2025 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT; Có điểm trung bình học tập HK2 năm lớp 11 và HK1, HK2 năm lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên. Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khi có phổ điểm kỳ thi V-SAT của trường Đại học Ngân hàng TP. HCM tổ chức năm 2025 trên cổng tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn.

d. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Phương thức 4): Ngưỡng điểm đảm bảo đầu vào dự kiến: 18 (thang điểm 30). Trường sẽ thông báo thay đổi ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển (nếu có) sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trên cổng tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT. Tổng điểm xét tuyển được tính theo công thức tại mục Nguyên tắc xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mục 1.7.1.4).

e. Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Phương thức 5, áp dụng cho chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng), học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

1.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ tương đương theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố theo từng phương thức tuyển sinh;

- Không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển;

-Chi tiết xem tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường: <http://tuyensinh.hub.edu.vn>.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: (mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển).

- Thí sinh lưu ý cập nhật thông tin khi có thay đổi, điều chỉnh, hiệu đính của đề án này và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Mã trường: NHS

Địa chỉ: Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

a) Phòng Tuyển sinh và truyền thông (Chương trình đại học chính quy chuẩn, ĐHCQ (tiếng Anh bán phần), ĐHCQ tiếng Anh bán phần, ĐHCQ chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh, ĐHCQ quốc tế cấp song bằng, ĐHCQ quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng)

Địa chỉ: Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 38211704 - 028. 38212430

Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: **0888 35 34 88**

Hotline chương trình ĐHCQ (tiếng Anh bán phần): **090969 1269**

Hotline chương trình ĐHCQ Quốc tế cấp song bằng: **0865118128**

Website: <http://tuyensinh.hub.edu.vn/>

<http://clc.hub.edu.vn> (Chương trình tiếng Anh bán phần)

<https://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan/dai-hoc-chinh-quy-quoc-te-song-bang/>

(Chương trình ĐHCQ quốc tế cấp song bằng)

Email: phongtvts@hub.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com.tuyensinhdaihocnganh>

[tuyensinhdaihocnganh](https://www.facebook.com.tuyensinhdaihocnganh)

Youtube: HUB Channel

b) Viện Đào tạo Quốc tế (Chương trình ĐHCQ quốc tế cấp song bằng, ĐHCQ quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng, Cử nhân Pathway)

Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 - 38214660

Hotline: 0865 - 118128

Website: <http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan/>

Email: saigonisb.ba@hub.edu.vn

Facebook: @saigonisb.hub

Mã số tuyển sinh của Trường: NHS

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
	Tất cả các ngành theo quy định tại Mục 1.8. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (của Đề án này)		301	Phương thức 1: tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển	
A	Chương trình đại học chính quy (tiếng Anh bán phần) và Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế)				

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
1	Tài chính-Ngân hàng (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số)	7340201_ TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
2	Kế toán (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng Digital Accounting)	7340301_ TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
3	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng E. Business)	7340101_ TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
4	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)	7340405_ TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
5	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)	7310106_TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
6	Ngôn ngữ Anh Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế)	7220201_DB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A01, D01, D14, D15
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10 (Tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D14, D15 (Tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)
7	Luật kinh tế (tiếng Anh bán phần)	7380107_TABP	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D14, D01
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG				

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã DKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
1	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản lý chuỗi cung ứng, Tài chính).(do ĐH Bolton (Anh Quốc) và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340101_QTSB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	
2	Tài chính-Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm do ĐH Toulon Pháp và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340201_QTSB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, D01, D07
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	
C CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN					
1	Tài chính – Ngân hàng - Chương trình Tài chính - Chương trình Ngân hàng - Chương trình Tài chính định lượng và Quản trị rủi ro - Chương trình Tài chính và Quản trị doanh nghiệp	7340201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
2	Kế toán - Chương trình Kế toán Kiểm toán	7340301	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
3	Kiểm toán (mới)	7340302	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
4	Kinh tế quốc tế - Chương trình Kinh tế quốc tế	7310106	401	Phương thức 3: xét tuyển kết	A01, D07, D09, D10

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
	- Chương trình kinh tế và kinh doanh số			quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
5	Marketing	7340115	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, D09, D10
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
6	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
7	Kinh doanh quốc tế	7340120	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
8	Luật kinh tế	7380107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D14, D01
9	Hệ thống thông tin quản lý - Chương trình Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyên đổi số	7340405	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
10	Ngôn ngữ Anh - Chương trình Tiếng Anh thương mại - Chương trình Song ngữ Anh - Trung	7220201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10 (Tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D14, D15 (Tiếng Anh nhân hệ số 2) (*)
11	Khoa học dữ liệu	7460108	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
13	Thương mại điện tử (mới)	7340122	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, D09, D10
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
14	Luật (mới)	7380101	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH	A01, A03, A07, A09

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn
				trên máy tính V-SAT	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D14
15	Trí tuệ nhân tạo (mới)	7480107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, D01, D07
D	ĐHCQ QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020 và Quyết định số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020)				
1	ĐHCQ quốc tế Ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình Quản trị kinh doanh; Chương trình Quản trị Chuỗi cung ứng; Chương trình Marketing; Chương trình Tài chính do ĐH Bolton – Anh Quốc cấp bằng)	7340101_ CNQT	500	Phương thức 5	HB+PV
2	ĐHCQ quốc tế Ngành Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm Do ĐH Toulon-Pháp cấp bằng)	7340201_ CNQT	500	Phương thức 5	HB+PV

Ghi chú:

- Sinh viên từ năm 2 có cơ hội đăng ký Chương trình cử nhân Pathway (du học chuyên tiếp)

+ Giai đoạn 1 - Học tại HUB

+ Giai đoạn 2 - Học tại nước ngoài; Sinh viên chọn một trong các Đại học liên kết với HUB:

- ❖ Đại học Macquarie- Úc (Pathway 2+2),
- ❖ Đại học Griffith- Úc (Pathway 2+2),
- ❖ Đại học Adelaide, Úc (Pathway 2+2),
- ❖ Đại học Lincoln, NZ (Pathway 2+2),
- ❖ Đại học Bolton, Anh (Pathway 2+1),
- ❖ Đại học Anglia Ruskin, Anh (Pathway 2+1),
- ❖ Đại học EM Normandie, Pháp (PATHWAY 2+1);
- ❖ Đại học CityU, Mỹ (Pathway 3+1);
- ❖ Đại học Trent-Canada (Pathway 3+1)

- (*): Tiếng Anh nhân hệ số 2 và quy về thang điểm 30
- Mã phương thức xét tuyển: xem chi tiết tại Mục 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh;
- Bảng tổ hợp môn:

A00: Toán, Vật lý, Hoá học	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A03: Toán, Vật lý, Lịch sử	A04: Toán, Vật lý, Địa lí
A05: Toán, Hóa học, Lịch sử	A07: Toán, Lịch sử, Địa lí
D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh

Lưu ý:

- Không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT quốc gia để xét tuyển đối với phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển được nêu cụ thể tại nguyên tắc xét tuyển theo từng phương thức (**Mục 1.7.1**);
- Nếu xét tuyển theo từng phương thức không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức khác.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.7.1 Các nguyên tắc xét tuyển đối với các ngành/nhóm ngành/chương trình đào tạo (Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển)

1.7.1.1 Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Nguyên tắc xét tuyển:**

Thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, **được thể hiện cụ thể tại mục 1.8.** Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại đề án tuyển sinh của Trường.

1.7.1.2 Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tổng hợp.

❖ **Nguyên tắc xét tuyển:**

- Thí sinh được đăng ký tối đa 07 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau; trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển nhiều nguyện vọng thí sinh cũng chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất;

- Xét theo điểm sau khi đã quy đổi từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu;
- **Điểm xét tuyển là Điểm quy đổi theo tổ hợp môn của 3 học kỳ cộng với Điểm quy đổi theo tiêu chí khác** (nếu có) và **tổng điểm ưu tiên quy đổi** (nếu có). Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được quy đổi theo thang điểm 150.
- Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình học tập của học kỳ 1 năm lớp 12.

**Lưu ý:*

- Phương thức này các tổ hợp môn không có môn nhân hệ số.
- **Điểm đối tượng ưu tiên, khu vực** của Phương thức xét tuyển tổng hợp được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT hiện hành và được quy đổi điểm theo thang điểm 150.

1.7.1.3 Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT năm 2025

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký tối đa 07 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau; trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển nhiều nguyện vọng thí sinh cũng chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất;

- Điểm xét tuyển bao gồm: kết quả điểm 3 bài thi/môn thi trong kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT theo tổ hợp đăng ký xét tuyển cho nhóm ngành/ngành/chương trình đào tạo; điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng của thí sinh (nếu có) được tính căn cứ vào Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình không nhân hệ số:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = (M1 + M2 + M3) + \text{Điểm ưu tiên}$$

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình có môn/bài thi nhân hệ số 2:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \frac{(M1 + M2 + M3 \times 2) \times 3}{4} + \text{Điểm ưu tiên}$$

(Điểm xét tuyển được quy về tổng điểm 450, điểm số thập phân làm tròn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Lưu ý: Điểm ưu tiên đối với thí sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT hiện hành.

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo nhóm ngành, ngành (đã trừ số lượng được tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, học sinh dự bị) và danh sách thống kê thí sinh đăng ký xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường xem xét và quyết định phương án điểm trúng tuyển theo nguyên tắc ĐXT từ cao đến thấp;

- Không phân biệt điểm xét trúng tuyển đối với các tổ hợp bài thi/môn thi đăng ký xét tuyển khác nhau của thí sinh vào cùng nhóm ngành hoặc ngành cụ thể;
- Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình cộng điểm học tập của học kỳ 1 năm lớp 12.
- Thí sinh được tham gia nhiều đợt thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT do Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM tổ chức. Kết quả thi của các đợt thi trong năm chỉ được xét tuyển vào đúng năm tuyển sinh và đúng thời gian quy định nhận hồ sơ xét tuyển đại học theo phương thức này.

1.7.1.4 Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT năm 2025

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

Được thực hiện theo “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành. Điểm xét tuyển bao gồm: kết quả điểm 3 bài thi/môn thi trong kỳ thi THPT năm 2025 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển cho nhóm ngành/ngành/chương trình đào tạo; điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng của thí sinh (nếu có) được tính căn cứ vào Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình không nhân hệ số:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = (M1 + M2 + M3) + \text{Điểm ưu tiên}$$

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình có môn/bài thi nhân hệ số 2:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \frac{(M1 + M2 + M3 \times 2) \times 3}{4} + \text{Điểm ưu tiên}$$

(Điểm xét tuyển được quy về tổng điểm 30, điểm số thập phân làm tròn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Lưu ý: Điểm ưu tiên đối với thí sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT hiện hành.

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo nhóm ngành, ngành (đã trừ số lượng được tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, học sinh dự bị) và danh sách thống kê thí sinh đăng ký xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường xem xét và quyết định phương án điểm trúng tuyển theo nguyên tắc ĐXT từ cao đến thấp;

- Không phân biệt điểm xét trúng tuyển đối với các tổ hợp bài thi/môn thi đăng ký xét tuyển khác nhau của thí sinh vào cùng nhóm ngành hoặc ngành cụ thể;

- Không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp xử lý các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau theo quy định sau: “Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau trong cùng ngành/nhóm ngành xét tuyển, Trường ưu tiên xét tuyển thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (điều kiện phụ)”.

1.7.1.5 Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét điểm trung bình học tập lớp 11 và lớp 12;
- Thí sinh tham gia phỏng vấn trực tiếp (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) với Hội đồng tuyển sinh;
- Thí sinh được tuyển thẳng đặc cách vào học chuyên ngành (năm 2) khi đạt đủ các điều kiện sau: có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn; IELTS từ 5.5 trở lên; bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ tại Việt nam trở lên hoặc tương đương.

1.7.2 Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

1.7.2.1 Phương thức 1: Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.7.2.2 Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tổng hợp

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển tại link: xettuyen.hub.edu.vn, sau khi đăng ký xét tuyển thí sinh in phiếu đăng ký từ trang đăng ký và nộp hồ sơ về Trường theo địa chỉ như sau:

❖ Địa điểm nhận hồ sơ:

Hội đồng tuyển sinh – Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM – Tầng trệt – 36 Tôn Thất Đạm – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM.

Ngoài bìa hồ sơ vui lòng ghi rõ **“Hồ sơ xét tuyển Đại học chính quy năm 2025”**

❖ Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển:

Theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và theo thông báo cập nhật của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường, thí sinh phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Trường sẽ công bố kết quả trúng tuyển và gọi thí sinh xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Ghi chú: Thời gian nộp hồ sơ tính theo dấu bưu điện.

❖ Hồ sơ xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in phiếu đăng ký và ký tên lên phiếu);
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (bản photo chứng thực);
- Chứng nhận đối tượng ưu tiên (bản photo chứng thực) (nếu có);
- Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (bản photo chứng thực) (nếu có);

- Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi, kỳ thi Olympic, Quốc gia, cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương (bản photo chứng thực) (nếu có);

- Giấy xác nhận điểm hoặc bản sao học bạ cụ thể như sau:

+ **Trường hợp thí sinh chưa tốt nghiệp THPT:** Nộp giấy xác nhận điểm có xác nhận của trường THPT (Mẫu giấy xác nhận điểm đính kèm) hoặc học bạ (5 học kỳ, photo chứng thực). Trường sẽ yêu cầu thí sinh nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực) và các hồ sơ khác theo quy định vào thời điểm trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học.

+ **Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2024 trở về trước:** Nộp bằng tốt nghiệp THPT và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực).

() Thí sinh cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển bao gồm: thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng.*

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn trong vòng 2 năm tính đến ngày xét tuyển.

1.7.2.3 Phương thức 3: Phương thức xét kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT:

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển tại link: xettuyen.hub.edu.vn, sau khi đăng ký xét tuyển thí sinh in phiếu đăng ký từ trang đăng ký và nộp hồ sơ về Trường như sau:

❖ **Địa điểm nhận hồ sơ: tương tự mục 1.7.2.2.**

❖ **Hồ sơ xét tuyển:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in phiếu đăng ký và ký tên lên phiếu);
- Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi V-SAT năm 2025 (đối với thí sinh không tham dự kỳ thi V-SAT tại trường Đại học Ngân hàng TP.HCM) (bản photo chứng thực).
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (bản photo chứng thực);
- Chứng nhận đối tượng ưu tiên (bản photo chứng thực) (nếu có);
- Giấy xác nhận điểm hoặc bản sao học bạ cụ thể như sau:

Trường hợp thí sinh chưa tốt nghiệp THPT:

Nộp Học bạ THPT (bản photo chứng thực học bạ đầy đủ 3 năm học THPT) **hoặc giấy xác nhận điểm có xác nhận của trường THPT** (Mẫu giấy xác nhận điểm đính kèm).

Trường sẽ yêu cầu thí sinh nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực) và các hồ sơ khác theo quy định vào thời điểm trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học.

Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp THPT:

Nộp bằng tốt nghiệp THPT và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực)

❖ **Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển:**

Theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và theo thông báo cập nhật của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường, thí sinh phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Trường sẽ công bố kết quả trúng tuyển và gọi thí sinh xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.7.2.4 Phương thức 4: Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7.2.5 Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng đối với Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

❖ Địa điểm nhận hồ sơ:

- Phòng Tuyển sinh quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM - Tầng trệt – 39 Hàm Nghi – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM.

Ngoài bì hồ sơ vui lòng ghi rõ “**Hồ sơ xét tuyển Cử nhân quốc tế**”

❖ Các đợt nộp hồ sơ xét tuyển:

Stt	Đợt nộp hồ sơ	Thời gian	Công bố kết quả
1	Đợt 1	20/1 đến 31/3	Công bố kết quả hàng tháng theo từng đợt nộp hồ sơ
2	Đợt 2	1/4 đến 30/4	
3	Đợt 3	1/5 đến 31/5	
4	Đợt 4	1/6 đến 30/6	
5	Đợt 5	1/7 đến 31/7	
6	Đợt 6	1/8 đến 15/8	
7	Đợt 7	16/8 đến 31/8	
8	Đợt 8	01/9 đến 15/9	

- Tuyển sinh nhiều đợt trong năm đến khi hết chỉ tiêu;
- Thời gian tuyển sinh: theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và theo thông báo cập nhật của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.
- Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường, thí sinh phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

❖ Hồ sơ gồm có:

- Đơn dự tuyển (Nhận trực tiếp tại **Phòng tuyển sinh quốc tế** - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM hoặc download Đơn tại website: <https://s.net.vn/N249>);

- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (01 bản tiếng Việt có công chứng và 01 bản tiếng Anh có công chứng);
- Học bạ nguyên cuốn (01 bản tiếng Việt có công chứng và 01 bản tiếng Anh có công chứng), trường hợp chưa có học bạ thí sinh nộp bằng điểm có xác nhận của Trường kèm theo giấy cam kết bổ sung học bạ bản photo chứng thực;
- Chứng chỉ tiếng Anh (Nếu có);
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (01 bản tiếng Việt có công chứng);
- 04 tấm hình 3x4 (Hình thẻ chụp không quá 06 tháng).

Lưu ý: Trường không hoàn trả lại hồ sơ xét tuyển cho thí sinh dưới mọi trường hợp.

1.8. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được thực hiện theo “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy định tại Điều 8 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT). Cụ thể:

Đối tượng	Nhóm ngành/ngành đào tạo	Tiêu chí	Chỉ tiêu
XÉT TUYỂN THẲNG			
1. Khoản 1	Tất cả các ngành		1%
2. Khoản 2	Ngôn ngữ Anh	Môn thi Tiếng Anh	
	Hệ thống thông tin quản lý	Môn thi tin học	
3. Khoản 4	Tất cả các ngành	Học bổ sung kiến thức văn hóa 1 năm tại các trường dự bị đại học và đạt yêu cầu.	
ƯU TIÊN XÉT TUYỂN			
4. Khoản 5	Ngôn ngữ Anh	Môn thi Tiếng Anh	1%
	Hệ thống thông tin quản lý	Môn thi tin học	

Thí sinh thực hiện các thủ tục để được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

1.9.1 Đối với phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9.2 Đối với Phương thức xét tuyển tổng hợp.

Lệ phí xét tuyển: 100.000 đồng/nguyên vọng.

Cách nộp lệ phí:

+ **Cách 1:** Nộp trực tiếp tại phòng Tài chính Kế toán - Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1

+ **Cách 2:** Chuyển khoản (Thông qua các ngân hàng thương mại hoặc thí sinh liên hệ tại bưu điện nơi nộp hồ sơ để được hướng dẫn hỗ trợ.

Chủ tài khoản: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 111.000.4541

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn

Nội dung: Thí sinh ghi rõ nội dung nộp với cú pháp “HỌ VÀ TÊN – NGÀY SINH –CCCD – SỐ ĐIỆN THOẠI – SỐ NGUYÊN VỌNG XÉT TUYỂN”.

Ví dụ: Nguyễn Văn A ngày sinh 25/7/2022, căn cước công dân: 023569874, số điện thoại: 0903055286, đăng ký 02 nguyên vọng.

Nội dung nộp lệ phí: NGUYỄN VĂN A – 25/07/2002- 023569874 – 0903055286 – 2 NV.

- Thí sinh có trách nhiệm hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

- Trường không hoàn trả lại khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định của Trường.

1.9.3 Đối với phương thức xét kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT: (Lệ phí xét tuyển tương tự như quy định tại mục 1.9.2 áp dụng cho phương thức xét tuyển theo tổ hợp môn và năng lực tổng hợp).

1.9.4 Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

- Lệ phí xét tuyển năm 2025: Theo kế hoạch và quy định chung của Bộ GD&ĐT
- Cách nộp lệ phí: Thí sinh nộp lệ phí khi đăng ký thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học dựa trên kết quả thi THPT tại trường THPT nơi thí sinh đang học hoặc địa điểm do Sở Giáo dục Đào tạo quy định (Đối với thí sinh tự do).

1.9.5 Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng đối với Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

❖ **Lệ phí và hình thức nộp lệ phí xét tuyển**

- Lệ phí xét tuyển : 500.000 đồng/hồ sơ

- Cách nộp lệ phí:

+ **Cách 1:** Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, cơ sở 39 Hàm Nghi, Quận 1

+ **Cách 2:** Chuyển khoản (Thông qua các ngân hàng thương mại hoặc thí sinh liên hệ tại bưu điện nơi nộp hồ sơ để được hướng dẫn hỗ trợ.)

Chủ tài khoản: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 133691709

Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Bình Chánh

Nội dung: Thí sinh ghi rõ nội dung nộp với cú pháp “HỌ VÀ TÊN – CMND/CCCD – SỐ ĐIỆN THOẠI – IBP24”. Ví dụ ; NGUYỄN VĂN A – 271921999 – 0903055286 – IBP24

1.9.6. Thí sinh trúng tuyển phương thức xét tuyển tổng hợp, phương thức VSAT và phương thức xét kết quả thi THPT thực hiện đóng lệ phí xét tuyển theo quy định và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí Chương trình Đại học chính quy: Dự kiến năm học 2025 – 2026: 11.605.000đ / học kỳ.

- Học phí Chương trình Đại học chính quy (tiếng Anh bán phần), đại học chính quy (tiếng Anh bán phần): Dự kiến năm học 2025-2026: 19.879.000đ / học kỳ.

- Học phí Đại học chính quy chương trình đào tạo đặc biệt: Dự kiến năm học 2025-2026: 19.879.000đ/ học kỳ.

- Học phí Chương trình Đại học chính quy quốc tế cấp song bằng và học phí đối với hệ đại học chính quy chương trình cử nhân quốc tế (do đối tác cấp bằng):

✓ Tổng học phí tối đa: 236.500.000 đồng/Toàn khóa học (Đã bao gồm học phí tiếng Anh, chương trình chính khóa, kỹ năng mềm, ...).

✓ Sinh viên học 8 học kỳ: học phí trung bình khoảng 29.500.000 đ/học kỳ.

✓ Học phí được tính theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học trên mỗi học kỳ và ổn định trong toàn khóa học (4 năm).

- Học phí Chương trình cử nhân Pathway

+ **Giai đoạn 1 – Học tại SaigonISB**

Tổng học phí: khoảng 120 triệu đồng /2 năm

Lưu ý: Học phí trên chưa bao gồm chương trình tiếng Anh tăng cường và kỹ năng mềm

+ **Giai đoạn 2 – Học tại trường Đại học đối tác**

Học phí tùy theo từng năm và từng trường đối tác.

Lưu ý: Số môn học có thể nhiều hơn, tùy chuyên ngành đào tạo và kết quả học tập (GPA) Giai đoạn 1.

Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Đối với hệ đại học chính quy:

Lộ trình tăng học phí theo quy định Nhà Nước.

- Đối với hệ đại học chính quy (tiếng Anh bán phần), đại học chính quy chương trình đào tạo đặc biệt:

Lộ trình dự kiến mức học phí hệ đại học chính quy chương trình đào tạo (tiếng Anh bán phần), đại học chính quy chương trình đào tạo đặc biệt năm học 2025 – 2026 tăng không quá 10%.

- Đối với hệ đại học chính quy chương trình quốc tế cấp song bằng:

Tổng học phí toàn khóa học (bao gồm Học phí các môn học chính khóa, tiếng anh tăng cường, kỹ năng mềm) là 236.500.000 đ/toàn khóa, tương đương 29.500.000 đ/học kỳ. Học phí này cam kết không đổi cho toàn khóa học.

- Đối với hệ đại học chính quy chương trình cử nhân quốc tế (do đối tác cấp bằng):

Lộ trình dự kiến mức học phí hệ đại học chính quy quốc tế song bằng và do đối tác cấp bằng năm học 2025 – 2026 tăng không quá 15%. Học phí công bố từ đầu năm học và cam kết không đổi cho toàn khóa học (4 năm).

- Đối với Chương trình cử nhân Pathway:

Giai đoạn 1 – Học tại SaigonISB

Tổng học phí: khoảng 120 triệu đồng /2 năm

Lưu ý: Học phí trên chưa bao gồm chương trình tiếng Anh tăng cường và kỹ năng mềm

+ Giai đoạn 2 – Học tại trường Đại học đối tác

Mức tăng học phí tùy theo từng năm và từng trường đối tác.

Lưu ý: Số môn học có thể nhiều hơn, tùy chuyên ngành đào tạo và kết quả học tập (GPA) Giai đoạn 1.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm. Thực hiện theo thời gian tại **Mục 1.7.2** của Đề án này.

1.12. Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. (Không có)

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (gồm Ngân sách nhà nước cấp): 446.860 triệu đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 15.000.000đ/ năm.

1.15. Các nội dung khác

1.15.1. Trường sẽ tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm 2025 cho đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh.

1.15.2. Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh phải thực hiện các bước được quy định tại Điều 18, Điều 19 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể:

a. Thí sinh đã dự tuyển vào trường theo kế hoạch xét tuyển ở tất cả các phương thức của Trường sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- Trường hợp thí sinh đã được trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

- Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành, chương trình đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

b. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển của trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, chương trình đào tạo khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

- + Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- + Lựa chọn về cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- + Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);

1.15.3. Quy định về thứ tự ưu tiên cho tất cả các phương thức xét tuyển tại Trường năm

2025

Danh sách nguồn dữ liệu xét tuyển:

- + Điểm thi THPT tương ứng với Phương thức xét tuyển kết quả thi THPT)
- + Học bạ THPT (tương ứng với Phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường - HUB)
- + Đánh giá năng lực – Đánh giá tư duy – đợt 1 (tương ứng với Phương thức xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT).
- + Dữ liệu xét tuyển khác.

Thí sinh sẽ chọn nguồn dữ liệu xét tuyển → thứ tự nguyện vọng → Trường đăng ký xét tuyển
→ Ngành/nhóm ngành/chương trình đăng ký xét tuyển.

Nguyên tắc xét tuyển chung:

a. Đối với phương thức xét tuyển : Phương thức Tổng hợp và phương thức đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (VSAT) năm 2025

Thí sinh được chọn phương thức ưu tiên trong các phương thức đăng ký xét tuyển của Trường đã công bố.

b. Đối với các phương thức xét tuyển cùng lúc với thời điểm xét điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông:

Thí sinh trúng tuyển nhiều phương thức trong cùng một ngành/chương trình có nhiều phương thức xét tuyển, Trường đại học Ngân hàng TP.HCM sẽ thực hiện xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- ✓ Ưu tiên 1: Phương thức xét tuyển tổng hợp
- ✓ Ưu tiên 2. Phương thức đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT
- ✓ Ưu tiên 3. Phương thức xét tuyển kết quả thi THPT

Lưu ý: Thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thường xuyên theo dõi các thông tin về tuyển sinh tại website: <http://tuyensinh.hub.edu.vn>

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (Không có)

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Phụ lục 1)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của trường: <https://tuyensinh.hub.edu.vn/thong-bao-he-dao-tao/dai-hoc-vua-lam-vua-hoc-64.html>

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Phụ lục 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của trường:
<https://hub.edu.vn/>

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS NGUYỄN ĐỨC TRUNG